

Bản án số: **54/2022/DS-ST**

Ngày: 29 - 4 - 2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay tiền

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Hai

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Trần Đức Hiếu

2. Ông Nguyễn Văn Trình

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Thoảng - Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 29 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 141/2021/TLST- DS ngày 14 tháng 12 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng vay tiền” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2021/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 36/2022/QĐST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Nguyên đơn: Ông Lê C, sinh năm: 1974.

Địa chỉ: Số 58 Ph, xã H, huyện H, TP. Đà Nẵng. Có mặt tại phiên tòa

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1971

Địa chỉ: Số 67 Ng, phường Kh, quận C, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt tại phiên tòa

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Huỳnh Thị Đ, sinh năm: 1978

Địa chỉ: Số 58 Ph, xã H, huyện H, TP. Đà Nẵng. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 26 tháng 11 năm 2021 và lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn Ông Lê C trình bày:

Ngày 12 tháng 7 năm 2018, vợ chồng ông có cho Bà Nguyễn Thị H mượn số tiền 350.000.000 đồng. Mục đích mượn là để bà H buôn bán, làm ăn, khi vợ chồng ông giao tiền cho bà H thì bà H giao cho vợ chồng ông bản chính sổ hộ khẩu nhà bà H số 150054491 chủ hộ là Nguyễn Ngọc Lễ làm tin, bà H có viết giấy mượn tiền và hẹn trong vòng 01 năm, kể từ ngày 12 tháng 7 năm 2018 đến ngày 12 tháng 7 năm 2019 sẽ

trả cho vợ chồng ông. Nhưng đến nay bà H vẫn không chịu trả mặc dù vợ chồng ông đã nhiều lần yêu cầu bà H thực hiện nghĩa vụ nợ.

Nay vợ chồng ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H trả lại cho vợ chồng ông số tiền gốc là 350.000.000đ (Ba trăm năm mươi triệu đồng), không yêu cầu trả lãi.

Trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa hôm nay, Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bị đơn Bà Nguyễn Thị H nhưng Bà Nguyễn Thị H vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của Ông Lê C nên không có bản tự khai cũng như lời trình bày tại phiên tòa hôm nay.

Tại bản tự khai ngày 07 tháng 3 năm 2022 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Huỳnh Thị Đ trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của Ông Lê C (*chồng bà*). Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Bà Nguyễn Thị H trả lại cho vợ chồng bà số tiền 350.000.000đ (Ba trăm năm mươi triệu đồng) không yêu cầu trả lãi. Khi nào bà H thanh toán hết số tiền trên cho vợ chồng bà thì vợ chồng bà trả lại bản chính sổ hộ khẩu nhà bà H số 150054491 chủ hộ là Nguyễn Ngọc L cho bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 11 năm 2021 nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền theo giấy mượn tiền ngày 12 tháng 7 năm 2018.

Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tiền.

[1.2] Về thẩm quyền: Bị đơn có địa chỉ: Số 67 Ng, phường Kh, quận C, thành phố Đà Nẵng. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp phát sinh giữa nguyên đơn và bị đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

[1.3] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị H đã được Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ 2 nhưng vắng mặt. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Hồng.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu của bà Ông Lê C đòi Bà Nguyễn Thị H trả số tiền 350.000.000đ (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*) HĐXX nhận thấy: Đây là Hợp đồng vay tiền, có thời hạn, không thỏa thuận lãi suất.

Căn cứ nội dung của Giấy mượn tiền ngày 12 tháng 7 năm 2018 vợ chồng ông C có cho Bà Nguyễn Thị H mượn số tiền 350.000.000 đồng. Mục đích mượn là để bà

Hbuôn bán, làm ăn, khi vợ chồng ông Cgiao tiền cho bà Hthì bà Hgiaio cho vợ chồng ông Cbản chính sổ hộ khẩu nhà bà Hsố 150054491 chủ hộ là Nguyễn Ngọc L(*chồng bà H*) để làm tin, bà Hcó viết giấy mượn tiền và hẹn trong vòng 01 năm, kể từ ngày 12 tháng 7 năm 2018 đến ngày 12 tháng 7 năm 2019 sẽ trả cho vợ chồng ông. Nhưng đến nay bà Hvẫn không chịu trả mặc dù vợ chồng ông đã nhiều lần yêu cầu bà Hthực hiện nghĩa vụ nợ.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện bà Hcó mượn của vợ chồng ông C, bà Đsố tiền 350.000.000 đồng (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*) nên căn cứ khoản 1 Điều 466 BLDS năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C, buộc bà Hphải trả cho ông C, bà Đsố tiền gốc 350.000.000đ.

Ông Cbà Đphải trả lại bản chính sổ hộ khẩu nhà bà Hsố 150054491 chủ hộ là Nguyễn Ngọc L(*chồng bà H*) cho bà Hkhi bà Hthanh toán hết số tiền nợ cho ông C, bà Đ.

[3] Do chấp nhận yêu cầu của ông Cnên bà Hphải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 17.500.000 đồng (Mười bảy triệu năm trăm ngàn đồng)

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 280, 357, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; các điều 147, 186, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Lê C đối với Bà Nguyễn Thị H về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tiền”. Xử

1. Buộc Bà Nguyễn Thị H phải trả cho Ông Lê C và Bà Huỳnh Thị Đ số tiền **350.00.000đồng** (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*)

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3.Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu là: 17.500.000 đồng (Mười bảy triệu năm trăm ngàn đồng)

4. Ông Lê C không phải chịu án phí, hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Ông Lê C số tiền 8.750.000 đồng (Tám triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) đã nộp tại biên lai thu số 0001650 ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKS ND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Hai

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

